

Bản án số: 13/2018/HSST
Ngày 26 - 3 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nga

Ông Nguyễn Minh Tâm

- Thư ký Tòa án: Ông Lương Văn Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Văn Nuôi, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2018/HSST ngày 24 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị B, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn A, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1933; có chồng là Nguyễn Hữu C, sinh năm 1976 và có 01 con, sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2014 hiện đang thi hành án tại Trại giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, thực hiện lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị B tại tổ dân phố Đ, thị trấn A, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đã phát hiện và tạm giữ 25 quyền hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) bao gồm: 14 quyền của hợp tác xã (HTX) D; 10 quyền của HTX N; 01 quyền của Công ty CP thương mại và sản xuất M (có 06 quyền đã sử dụng là của HTX N và HTX D). Cơ quan

điều tra đã tách hành vi liên quan đến 25 quyền hóa đơn GTGT đã tạm giữ để xác minh, xử lý sau. Kết quả điều tra, xác minh rõ hành vi phạm tội của Nguyễn Thị B như sau:

A. Hành vi In, phát hành trái phép hóa đơn:

1. Khoảng tháng 8/2011, B được ông Nguyễn Văn G, ở khu 10, xã I, thị xã Y nhờ làm giúp toàn bộ hồ sơ, thủ tục và đăng ký thành lập HTX N. Ngày 05/12/2011, HTX N được Phòng Tài chính Kế hoạch - UBND huyện X cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 19D700050; địa chỉ trụ sở tại thôn O, xã U, huyện X; người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn G, Chủ nhiệm HTX; ngành nghề, dịch vụ kinh doanh gồm: Các loại giống cây trồng, cây ăn quả, con giống, thức ăn gia súc, sửa chữa công cụ, cơ khí phục vụ nông nghiệp...; mã số thuế 2500469805 do Chi cục thuế huyện X quản lý. Tiếp theo B cũng là người làm thủ tục khắc dấu cho HTX N tại Cơ sở sản xuất dấu Q. Toàn bộ thủ tục pháp lý, con dấu cho HTX N trong năm 2011, nhưng B không giao cho ông G quản lý, đến khoảng tháng 6, 7/2013 thì mới trả ông G gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thuế, đăng ký mẫu dấu và 03 con dấu của HTX N, riêng con dấu chữ ký của ông G, B không trả với lý do để ở nhà nhưng chưa tìm thấy. Ngày 17/5/2017, Nguyễn Hữu C (chồng của B) phát hiện con dấu tại nhà và đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Kể từ khi được thành lập HTX N không tổ chức hoạt động kinh doanh gì. Lý do, theo ông Nguyễn Văn G là không có vốn và không có sự thống nhất về điều lệ hoạt động của các thành viên HTX.

2. Đầu năm 2012, B đặt vấn đề nhờ anh trai là Nguyễn Công P, sinh năm 1964 đứng tên để làm thủ tục thành lập HTX D, được anh P đồng ý và cho mượn giấy Chứng minh nhân dân để B làm thủ tục. B đã lập điều lệ HTX đưa anh P là Chủ nhiệm, Nguyễn Văn L (là cháu của B) là Phó Chủ nhiệm còn B là Kiểm soát viên. Ngày 25/7/2012, HTX D được phòng Tài chính Kế hoạch - UBND huyện X cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 19D700056; địa chỉ trụ sở tại nhà ở của B tại tổ dân phố Đ, thị trấn A, huyện X; ngành nghề kinh doanh gồm: mua bán vật tư nông nghiệp; mua bán hóa mỹ phẩm; sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ gỗ; sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ giấy. Tiếp theo, B đã đến Chi cục thuế huyện X đăng ký mã số thuế và hoàn tất thủ tục khắc dấu cho HTX D. Thông qua việc kinh doanh mua bán giấy, B quen anh Nguyễn Thành T1 là Giám đốc Công ty Cổ phần in X, tại địa chỉ Phố K, xã R, thành phố V. Khoảng cuối tháng 01/2013, B nhờ chồng mang hồ sơ pháp lý của hai HTX N và D đến Công ty Cổ phần in X làm Hợp đồng đặt in mỗi HTX số lượng 10 quyển, mỗi quyển 50 số, mỗi số 3 liên hết 4.200.000đ. Ngày 16/4/2013, Công ty Cổ phần in X đã lập biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và bàn giao 20 quyển hóa đơn GTGT cho B.

3. Công ty Cổ phần thương mại và sản xuất M (viết tắt Công ty M), địa chỉ đăng ký lần đầu tại phường S, thành phố V, do Tạ Đức G1 là Giám đốc. Công ty M, được thành lập và đăng ký lần đầu năm 2009 nhưng do không có vốn nên gần như không hoạt động gì. Khoảng tháng 6/2011, xuất phát từ mối quan hệ quen biết, anh G1 và B thống nhất hợp tác làm ăn chung, anh G1 đã chuyển toàn bộ công cụ, máy móc về nhà B; đăng ký lại lần 2, thay đổi địa chỉ trụ sở mới tại thị trấn A, huyện X, bổ nhiệm B làm Phó giám đốc Công ty và giao toàn bộ hồ sơ Công ty, gồm: Đăng ký kinh doanh, Hợp đồng kinh tế, con dấu, séc, hóa đơn cho B quản lý và điều hành hoạt động của Công ty nhưng vẫn chỉ hoạt động cầm chừng, không có lãi nên đến G4 năm 2012, thì anh G1 bỏ hẳn ra làm ngoài nhưng vẫn để toàn bộ máy móc lại cho B tiếp tục kinh doanh. B đã đến Công ty TNHH Hồng Quân, ở địa chỉ số 333, đường M1, phường L1, thành phố V, đặt in 10 quyển Hóa đơn GTGT đứng tên Công ty M, mỗi quyển 50 số, mỗi số 03 liên.

Như vậy đủ cơ sở xác định, Hóa đơn GTGT của HTX N, là do B tự ý thực hiện, không trao đổi, bàn bạc và không được sự cho phép của ông Nguyễn Văn G, Chủ nhiệm HTX N; toàn bộ Hóa đơn của HTX D, HTX N, Công ty M, sau khi in không thực hiện việc thông báo phát hành theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn được xuất bán cho rất nhiều doanh nghiệp để thu lợi bất chính.

B. Hành vi bán trái phép Hóa đơn:

Quá trình điều tra đã xác định, từ tháng 8/2012 đến tháng 4/2013, B làm kế toán cho Công ty E; địa chỉ trụ sở tại xã Đ1, huyện M1, thành phố Hà Nội, do bà Phạm Thị Hồng B2, sinh năm 1974, là Giám đốc. Bà B2 khai, trong thời gian này B là người kê khai thuế cho Công ty nên B2 đã giao toàn bộ Hóa đơn cho B quản lý. Lợi dụng danh nghĩa HTX N, HTX D, Công ty M, Công ty E, từ tháng 8/2012 đến tháng 12/2013 Nguyễn Thị B đã bằng thủ đoạn xuất Hóa đơn GTGT của HTX D và N cho Công ty M và E, để thực hiện việc bán trái phép tổng số 300 hóa đơn GTGT của 4 đơn vị trên cho 31 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn là 6.983.277.782đ; thuế GTGT là 698.327.778đ, thu lợi từ 3 đến 13% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Cụ thể:

* Bán trái phép 198 Hóa đơn GTGT của Công ty M cho 26 doanh nghiệp:

1. Công ty TNHH đầu tư xây dựng X1 (Công ty X1), địa chỉ: Khu hành chính 15, phường L1, thành phố V, do ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1967, ở thôn Y2, xã Ê, huyện I2, thành phố Hà Nội là Giám đốc. Số lượng 47 hóa đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 930.583.920đ; thuế GTGT là 93.058.392đ. Công ty

X1 đã kê khai và được khấu trừ 93.058.392đ tiền thuế GTGT trong năm 2013; ngày 25/10/2017, Công ty đã tự kê khai giảm trừ số tiền thuế trên.

2. Công ty CP tư vấn xây dựng M1, địa chỉ: Số 195, đường P1, phường L1, thành phố V, do Đặng Văn N1, sinh năm 1974, trú tại xã R, V làm Giám đốc. Số lượng 21 hóa đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 110.400.000đ; thuế GTGT là 11.040.000đ. Công ty M1 đã kê khai khấu trừ thuế đầu vào trong năm 2013, đến ngày 27/7/2017, tự kê khai giảm trừ số tiền 11.040.000đ.

3. Công ty CP Xây dựng và Thương mại D1 Vĩnh Phúc (Công ty D1); địa chỉ: Số nhà 27 khu dân cư S1, phường H1, thành phố V, do Hoàng Minh L2, sinh năm 1964, trú tại số nhà 27, khu dân cư S1, phường H1 làm Giám đốc. Số lượng 17 hóa đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 490.000.000đ; thuế GTGT là 49.000.000đ. Công ty D1 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013. Quá trình điều tra ông Hoàng Minh L2 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 49.000.000đ để khắc phục hậu quả vào ngân sách Nhà nước.

4. Công ty TNHH K1; địa chỉ: Số nhà 3, ngõ 3, phố H2, phường Đ1, V, do Cao Thu L3, sinh năm 1987, trú tại: khu chung cư Vinaconex, phường L1 là Giám đốc. Số lượng 15 hóa đơn ghi tổng giá trị tiền hàng là 91.000.000đ; thuế GTGT 9.100.000đ. K1 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013, đến ngày 23/4/2014 tự kê khai giảm trừ số tiền 9.100.000đ.

5. Công ty CP đầu tư Thương mại và Xây dựng A1 (Công ty A1); địa chỉ: Số nhà 101, dãy 1, khu tập thể Trường trung cấp G2, thôn Q1, phường S, thành phố V, do Lê Khắc Q2, sinh năm 1973; HKTT: Xã X1, huyện T1, tỉnh Thanh Hoá làm Giám đốc. Số lượng 14 hóa đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 311.792.091đ; thuế GTGT là 31.179.209đ. Công ty A1 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013; ngày 28, 29/7/2014 tự kê khai giảm trừ số tiền 31.179.209đ.

6. Công ty CP tư vấn thiết kế xây dựng H3 (Công ty H3); địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 93, đường B1, phường L1, thành phố V, do Nguyễn Thành T2, sinh năm 1987; trú tại: Khu hành chính 17, phường L1, thành phố V, làm Giám đốc. Số lượng 11 hóa đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 191.654.040đ, thuế GTGT là 19.165.404đ. Công ty CP tư vấn thiết kế xây dựng H3 đã kê khai khấu trừ thuế năm 2013, đến ngày 18/12/2015, tự kê khai giảm trừ số tiền là 19.165.404đ.

7. Công ty CP xây dựng và Thương mại C1 (Công ty C1); địa chỉ: Số nhà 11, ngõ 2, phố V1, phường L1, thành phố V, do ông Cao Đắc T3, sinh năm 1976; trú tại: Xóm V2, xã N2, huyện V3, làm Giám đốc. Số lượng 09 hóa đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 595.291.537đ; thuế GTGT là 59.529.157đ. Công ty C1 đã kê khai khấu trừ thuế năm 2013, đến năm 2016 tự kê khai giảm trừ số tiền 59.529.157đ.

8. Công ty CP đầu tư P2; địa chỉ: Xã R, thành phố V, do Lê Chí H4, 1984; trú tại: Khu đô thị mới T4, phường L1, thành phố V làm Giám đốc. Số lượng 08 hóa đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 118.081.805đ; thuế GTGT là 11.808.181đ. Công ty CP đầu tư P2 đã kê khai khấu trừ thuế năm 2013; đến năm 2015 đã tự kê khai giảm trừ số tiền 11.818.181đ.

9. Công ty CP Kỹ thuật xây dựng A2; địa chỉ: Số 7, ngõ 32, đường V4, phường S3, thành phố V do Đào Hải L3, sinh năm 1982, trú tại: Khu 5, thị trấn V3, huyện V3 làm Giám đốc. Số lượng 07 hóa đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 114.163.621đ; thuế GTGT là 11.416.362đ. Công ty A1 đã kê khai khấu trừ thuế năm 2013, đến năm 2015 đã tự kê khai giảm trừ số tiền 11.416.362đ.

10. Công ty TNHH xây dựng thương mại P3 (Công ty P3); địa chỉ: Số 10, khu T5, phường D1, thành phố V5, tỉnh Phú Thọ do Nguyễn Đình V6, sinh năm 1963; trú tại: Số nhà 3, Tổ 3, phố D1, phường D1, thành phố V5 làm Giám đốc. Số lượng 06 hóa đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 105.300.000đ; thuế GTGT là 10.530.000đ. Công ty P3 đã kê khai khấu trừ thuế năm 2013; năm 2014 đã tự kê khai giảm trừ số tiền 10.530.000đ.

11. Công ty TNHH Đ1; địa chỉ: Phố B3, xã Đ2, huyện T6 do Nguyễn Quang Đ3, sinh năm 1973; trú tại: Phố B3, xã Đ2 làm Giám đốc. Số lượng 06 hóa đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 528.664.310đ; thuế GTGT là 52.866.431đ. Công ty Đ1 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013; ngày 02/8/2017, đã tự kê khai giảm trừ số tiền 52.866.431đ.

12. Công ty CP đầu tư và xây dựng H5 (Công ty H5); địa chỉ: Km số 9, xã C2, huyện T7 do Hoàng Thái S4, sinh năm 1981; trú tại: Thôn P4, xã B4, huyện L4 làm Giám đốc. Số lượng 06 hóa đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 83.792.558đ; thuế GTGT là 8.379.256đ. Công ty H5 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013. Quá trình điều tra, Công ty đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra 8.379.256đ để trả vào ngân sách Nhà nước.

13. Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu D2 (Công ty D2); địa chỉ: Thôn K3, xã C3, huyện V3 do Trần Văn D3, sinh năm 1978 làm Giám đốc. Số lượng 05 hóa đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 81.755.926đ; thuế GTGT là 8.175.592đ. Công ty D2 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013; năm 2016 và 2017, đã tự kê khai giảm số tiền 8.175.592đ.

14. Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng giao thông A4 (Công ty A4); địa chỉ: Số nhà 246 Lê Quý Đ4, phường G3, thành phố V5, tỉnh Phú Thọ, do Nguyễn Thành T2, sinh năm 1978; trú tại: Số nhà 246 Lê Quý Đ4, phường G3, V5 làm Giám đốc. Số lượng 05 hoá đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 22.000.000đ; thuế GTGT là 2.200.000đ. Công ty A4 đã kê khai khấu trừ thuế năm 2013; năm 2017, đã tự kê khai giảm trừ số tiền 2.200.000đ.

15. Công ty TNHH xây dựng và thương mại A5 (Công ty A5); địa chỉ: Thôn G4, xã D4, huyện T6, do Phạm Hữu T8, sinh năm 1983; trú tại: Thôn G4, xã D4 làm Giám đốc. Số lượng 04 hoá đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 63.450.000đ; thuế GTGT là 6.345.000đ. Công ty A5 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013. Chi cục thuế huyện T6 kiểm tra phát hiện đã xử phạt vi phạm hành chính và truy thu số tiền thuế đã khấu trừ.

16. Công ty CP tư vấn xây dựng AAA; địa chỉ: Số nhà 40 L5, khu hành chính 1, phường L1, thành phố V, do Nguyễn Văn C4, sinh năm 1986; trú tại: Thôn L6, xã T9, huyện Y4 làm Giám đốc. Số lượng 03 hoá đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 50.454.546đ; thuế GTGT là 5.045.455đ. Công ty AAA đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013; năm 2015 tự phát hiện, kê khai giảm trừ số tiền 5.045.455đ.

17. Công ty CP xây dựng và phát triển công nghệ N3 (Công ty N3); địa chỉ: Nhà 5T1, khu chung cư Vinaconex Xuân Mai, phường L1, thành phố V, do Lê Mạnh H6, sinh năm 1983; trú tại: Thôn V7, xã D5, huyện V3 làm Giám đốc. Số lượng 02 hoá đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 22.855.000đ; thuế GTGT là 2.285.500đ. Công ty N4 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013. Quá trình điều tra, Lê Mạnh H6 đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra, số tiền 2.285.500đ để khắc phục hậu quả.

18. HTX vật liệu xây dựng A5; địa chỉ: M4, phường S, thành phố V, do anh Đặng Quang Đ5, sinh năm 1972, là Chủ nhiệm. Số lượng 02 hoá đơn, ghi tổng tiền hàng là 36.100.000đ; thuế GTGT là 3.610.000đ. HTX A5 đã kê khai khấu trừ thuế năm 2013. Hiện thực hiện kê khai giảm trừ tiền thuế của 02 hoá đơn trên.

19. HTX dịch vụ xây dựng và cơ khí thanh niên xã N5 (HTX N5); địa chỉ: Thôn K4, xã N5, thị xã Y, do Đào Xuân N7, sinh năm 1984 là Chủ nhiệm. Số lượng 03 hoá đơn, ghi tổng tiền hàng là 135.300.000đ; thuế GTGT là 13.530.000đ. HTX N5 đã kê khai khấu trừ thuế năm 2013. Qua kiểm tra, Chi cục thuế thị xã Y đã phát hiện, xử lý vi phạm hành chính và truy thu 3.530.000đ; HTX N5 tự kê khai giảm trừ 10.000.000đ.

20. Công ty TNHH H7; địa chỉ: Phố Me, thị trấn Hợp Hòa, huyện T6 do Lê Xuân Khoản, sinh năm 1963 làm Giám đốc; 01 hoá đơn; giá trị tiền hàng trên hóa đơn là 231.253.960đ; thuế GTGT là 23.125.396đ. Công ty H7 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013; năm 2017 tự phát hiện và kê khai giảm trừ số tiền 23.125.396đ.

21. Công ty TNHH đầu tư H8 (Công ty H8); địa chỉ: Số 49, ngõ 4, đường K4, phường H1, thành phố V, do H9, sinh năm 1980 làm Giám đốc; 01 hoá đơn số 0000138 ngày 16/7/2013, giá trị tiền hàng là 18.040.000đ; thuế GTGT là

1.804.000đ. Công ty H8 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013; H9 đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra 1.804.000đ để khắc phục hậu quả.

22. Công ty TNHH MTV A6; địa chỉ: Khu S11, khu đô thị I2, phường L1, thành phố V, do Trần Công S5, sinh năm 1968 làm Giám đốc; 01 hoá đơn số 0000209 ngày 31/8/2013; ghi không giá trị hàng hóa là 806.000.000đ; thuế GTGT là 80.600.000đ. Công ty A6 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013; Công ty A6 đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra 80.600.000đ để khắc phục hậu quả.

23. Công ty TNHH điện tử tin học EI; địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà Đ6, 93 L7, phường Phạm Đình N8, quận B4, Hà Nội do Trần Hợp N9, sinh năm 1962; trú tại: Phường Đ7, quận K5 làm Giám đốc; 01 hoá đơn số 0000133 ngày 24/7/2013; ghi không giá trị hàng hoá là 2.200.000đ; thuế GTGT là 220.000đ. Công ty EI đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013; năm 2017 đã tự kê khai giảm trừ số tiền 220.000đ.

24. Doanh nghiệp tư nhân Y5; địa chỉ: Thôn L8, xã Y6, huyện L4 do Nguyễn Thị Hương Y7, sinh năm 1963 làm Giám đốc; 01 hóa đơn số 0000178 ngày 11/8/2013; ghi không giá trị hàng hoá là 7.750.000đ; thuế GTGT là 775.000đ. Doanh nghiệp Y5 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013. Hiện doanh nghiệp chưa thực hiện việc kê khai giảm trừ.

25. Công ty CP cơ khí xây dựng HT ViNa; địa chỉ: Số nhà 205, phố K, xã R, thành phố V do Trần Thị Thu S6, sinh năm 1982 làm Giám đốc; 01 hóa đơn số 0000146 ngày 20/7/2013; ghi không giá trị hàng hoá là 205.200.000đ; thuế GTGT là 20.520.000đ. Công ty HT ViNa đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013. Năm 2015 qua kiểm tra Chi cục thuế thành phố V phát hiện xử phạt vi phạm hành chính và truy thu số tiền thuế 20.520.000đ.

26. Công ty TNHH Climax Việt Nam; địa chỉ: Số nhà 171, đường M1, phường L1, thành phố V, do Lê Trọng B5, sinh năm 1975 làm Giám đốc; 01 hoá đơn số 0000137 ngày 16/7/2013; ghi không giá trị hàng hoá là 10.150.000đ; thuế GTGT là 1.015.000đ. Công ty Climax đã kê khai thuế trong năm 2013; năm 2016 Công ty đã phát hiện tự kê khai giảm trừ số tiền 1.015.000đ.

* Bán trái phép 17 hóa đơn GTGT của HTX N cho 03 doanh nghiệp sau:

1. Công ty Cổ phần in X, địa chỉ: Phố K, xã A7, thành phố Y8, do Nguyễn Thành T1 là Giám đốc, 07 hoá đơn; ghi tổng tiền hàng là 125.420.000đ; thuế GTGT là 12.542.000đ. Công ty X đã kê khai khấu trừ trong kỳ kê khai thuế tháng 4/2013. Năm 2014, qua kiểm tra Chi cục thuế V phát hiện đó là hóa đơn bất hợp pháp nên bị loại không được khấu trừ.

2. Công ty TNHH MTV D6, địa chỉ: Thôn C5, xã R, thành phố V do Lê Văn Nh là Giám đốc, 07 hóa đơn, ghi tổng tiền hàng là 110.980.000đ, thuế GTGT 11.098.000đ. Người liên hệ mua hóa đơn và thành toán cho B là Lê Thị Hương L9, tổng số 11.000.000đ. Công ty D6 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013; hiện đã thực hiện việc kê khai giảm trừ số tiền 11.098.000đ.

3. Công ty CP Tư vấn xây dựng Tr; địa chỉ: Khu 1, thị trấn C6, huyện X do Nguyễn Trung D7, sinh năm 1978 làm Giám đốc, 03 hóa đơn, ghi không hàng hóa, dịch vụ là 36.700.000đ, thuế GTGT là 3.670.000đ. Công ty Tr đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013; năm 2015 Công ty tự kê khai giảm trừ số tiền thuế 3.670.000đ.

* Bán trái phép 22 hóa đơn GTGT của HTX D cho 04 doanh nghiệp sau:

1. Công ty TNHH MTV D2 do Trần Văn D3 làm Giám đốc, 09 hóa đơn, ghi tổng tiền hàng là 162.913.575đ; thuế GTGT là 16.291.358đ. Công ty D2 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013; Công ty D2 đã tự kê khai giảm trừ số tiền 16.291.358đ.

2. Công ty TNHH H7, do Lê Xuân K6 làm Giám đốc, 05 hoá đơn ghi tổng giá trị tiền hàng là 90.300.000đ; thuế GTGT là 9.030.000đ. Công ty H7 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013; năm 2017 tự kê khai giảm trừ số tiền 9.030.000đ.

3. Công ty TNHH đầu tư xây dựng X1, do Nguyễn Đình T2 làm Giám đốc, 04 hóa đơn; ghi tổng giá trị tiền hàng là 37.999.548đ, thuế GTGT là 3.799.955đ. Công ty X1 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013; năm 2017 tự kê khai giảm trừ số tiền 3.799.955đ.

4. Công ty CP xây dựng và thương mại C1, do Cao Đắc T3 làm Giám đốc 04 hóa đơn, ghi tổng giá trị tiền hàng là 71.253.663đ, thuế GTGT là 7.125.366đ. Công ty C1 đã kê khai khấu trừ thuế trong năm 2013; năm 2016 tự kê khai giảm trừ số tiền 7.125.366đ.

* Bán trái phép 63 hóa đơn GTGT của Công ty E cho các doanh nghiệp sau:

Kết quả điều tra chứng minh được: Trong thời gian từ tháng 8/2012 đến tháng 4/2013, B làm kế toán cho Công ty E đã sử dụng 41 Hóa đơn của HTX D xuất cho Công ty E, để từ đó bán ra 63 hóa đơn của E cho 10 doanh nghiệp nhưng đều không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo gồm: Công ty CP in X, địa chỉ: Phố K, xã A7, thành phố Y8, do Nguyễn Thành T1, sinh năm 1983, làm Giám đốc, số lượng 13 hoá đơn, tổng tiền hàng là 276.705.000đ, thuế GTGT là 27.670.500đ; hiện Công ty in X chưa kê khai giảm trừ thuế; Công ty TNHH MTV D6, địa chỉ: Thôn C5, xã R, thành phố V do Lê Văn M4, sinh năm 1979

làm Giám đốc, 13 hóa đơn, tổng tiền hàng là 233.479.521đ, thuế GTGT là 23.347.952đ. Công ty đã tự kê khai giảm trừ thuế; Công ty CP tư vấn xây dựng M1, địa chỉ: Số 195, đường P1, phường L1, V do Đặng Văn N1, sinh năm 1974 làm Giám đốc, 10 hóa đơn, tổng tiền hàng là 60.500.000đ, thuế GTGT là 6.050.000đ. Công ty đã tự phát hiện, kê khai giảm trừ 6.050.000đ; Công ty TNHH Đ1, địa chỉ: Phố B3, xã Đ2, huyện T6, do Nguyễn Quang Đ3, sinh năm 1973 làm Giám đốc, 09 hóa đơn, tổng tiền hàng là 160.359.161đ, thuế GTGT là 16.035.916đ. Công ty đã kê khai giảm trừ thuế được 7.105.000đ, còn lại chưa kê khai giảm trừ; Công ty CP xây dựng và thương mại C1, địa chỉ: Số nhà 11, ngõ 2, phố V1, phường L1, thành phố V do Cao Đắc T3, sinh năm 1976 làm Giám đốc, 09 hóa đơn, tổng tiền hàng 152.820.000đ, thuế GTGT là 15.282.000đ, Công ty đã thực hiện việc kê khai giảm trừ; Công ty TNHH đầu tư xây dựng X1, địa chỉ: Khu hành chính 15, phường L1, thành phố V, do Nguyễn Đình T2, sinh năm 1967 làm Giám đốc, 04 hóa đơn, tổng tiền hàng là 54.000.000đ, thuế GTGT là 5.400.000đ, hiện Công ty chưa thực hiện kê khai giảm trừ; Công ty CP xây dựng và phát triển công nghệ N3, địa chỉ: Nhà 5T1, khu chung cư Vinaconex Xuân Mai, phường L1, thành phố V do Lê Mạnh H6, sinh năm 1983 làm Giám đốc, 02 hoá đơn, giá trị tiền hàng là 15.000.000đ, thuế GTGT là 1.500.000đ, Công ty đã thực hiện việc kê khai giảm trừ; Công ty CP đầu tư và xây dựng H5, địa chỉ: Km 9, xã C2, huyện T7 do Hoàng Thái S4, sinh năm 1981 làm Giám đốc, 01 hóa đơn ghi giá trị tiền hàng là 4.100.000đ, thuế GTGT là 410.000đ, Công ty chưa làm thủ tục kê khai giảm trừ; Công ty CP Bestpro, địa chỉ: Phường S, thành phố V, do Hoàng Trung Ch, sinh năm 1981 làm Giám Đốc, 01 hóa đơn, giá trị tiền hàng là 17.514.000đ, thuế GTGT 1.751.400đ, hiện chưa làm thủ tục kê khai giảm trừ; Công ty TNHH Quảng cáo và dịch vụ thương mại M5, địa chỉ: Thôn E2, xã Đ1, huyện M1 do Phan M5, sinh năm 1975 làm Giám Đốc, 01 hóa đơn ghi tiền hàng 10.000.000đ, thuế GTGT 1.000.000đ, hiện chưa kê khai giảm trừ.

Công ty E được Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký kinh doanh; địa chỉ trụ sở tại xã Đ1, huyện M1, thành phố Hà Nội. Vì vậy, hành vi bán trái phép 63 Hoá đơn GTGT của Công ty E, không thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc nên không xem xét xử lý trong vụ án này. Cơ quan điều tra có văn bản thông báo để Cơ quan điều tra - Công an Hà Nội điều tra giải quyết là đúng pháp luật.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị B chỉ thừa nhận đã bán trái phép Hóa đơn GTGT của HTX D cho các doanh nghiệp, còn Hóa đơn của HTX N và Công ty M không phải do B bán. Kết quả điều tra từ đơn vị in hóa đơn; một số doanh nghiệp giao dịch trực tiếp mua hóa đơn của B và những cá nhân viết hộ hóa đơn; kết quả khám xét, thu giữ vật chứng, đủ cơ sở khẳng định từ tháng 8/2012 đến tháng 12/2013 Nguyễn Thị B đã bán trái phép tổng số 237 Hóa đơn của 03 đơn

vị là HTX D, HTX N, Công ty M cho 29 doanh nghiệp; tổng doanh số tiền hàng ghi trên hóa đơn là 6.002.896.000đ; thuế GTGT là 600.289.600đ, thu lợi bất chính từ 3 đến 13% giá trị tiền hàng trên hóa đơn. Cụ thể, 13 hóa đơn được bán với giá 3% thu lợi 5.986.569đ; 09 hóa đơn được bán với giá 9% thu lợi 14.662.222đ; 212 hóa đơn được bán với giá 10% thu lợi 559.601.272đ; 03 hóa đơn bán với giá 13% thu lợi 4.771.000đ. Tổng số, B thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn là 585.021.090đ.

Đối với những doanh nghiệp, cá nhân liên quan trong vụ án:

1. Đối với doanh nghiệp và các Giám đốc doanh nghiệp mua hóa đơn: Kết quả điều tra xác định, tất cả các doanh nghiệp đã mua Hóa đơn GTGT của B đều nhằm mục đích là hợp thức hàng hóa, dịch vụ mua vào để kê khai khấu trừ thuế GTGT nhằm mục đích trốn thuế. Trong tổng số 29 doanh nghiệp, qua điều tra không có doanh nghiệp nào số tiền trốn thuế trên 100.000.000đ, không có Giám đốc nào đã bị xử lý về trốn thuế nên không đủ căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm hình sự. Đến nay, đã có 27 doanh nghiệp tự kê khai giảm trừ hoặc nộp tiền cho Cơ quan điều tra để khắc phục vào ngân sách Nhà nước; còn 02 doanh nghiệp chưa thực hiện việc kê khai giảm trừ là HTX A5 và doanh nghiệp Y5; có 05 công ty, doanh nghiệp đã bị cơ quan thuế xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng hoá đơn bất hợp pháp, gồm: Công ty D2; Công ty A5; HTX N5; Công ty in X và Công ty Tr.

2. Đối với Công ty Cổ phần in X, do Nguyễn Thành T1, Giám đốc nhận in 20 quyển hóa đơn GTGT cho HTX D và HTX N, sau khi in xong đã không lập báo cáo việc nhận in hóa đơn cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định đã vi phạm quy định tại Điều 30 Nghị định 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ về hoá đơn bán hàng và cung ứng dịch vụ. Do thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đã hết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý mà giáo dục nhắc nhở.

3. Đối với cá nhân có liên quan:

- Đối với cá nhân viết hộ hóa đơn gồm: Lê Thị Hương L9, sinh năm 1988, trú tại: Xóm C5, xã R, thành phố V: L9 đã viết nội dung trên 180 số hóa đơn và thực hiện 14 lần rút Sec từ tài khoản của Công ty M mở tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)-Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc cho B; Nguyễn Thị C7, sinh năm 1982, trú tại: Thôn D8, xã Đ8, huyện T6 viết hộ nội dung 58 số hóa đơn; Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1986, trú tại: Thị trấn A, huyện X, viết hộ 83 số hoá đơn. Kết quả điều tra chứng minh được, do quen biết từ trước nên B đã nhiều lần nhờ L9, C7 và Ng viết hộ nội dung hóa đơn, rút tiền qua Sec. Khi nhờ viết hộ B đều nói lý do kế toán của B bận nghỉ, không có bất kỳ sự bàn bạc hay thỏa thuận chia lợi; không nói viết hộ là để bán trái phép hóa

đơn. Bản thân L9, C7 và Ng đều không phải là kế toán cho B, không biết động cơ, mục đích của B nên không đủ cơ sở buộc 03 người trên phải biết những hàng hóa, dịch vụ B đọc cho viết trong hóa đơn là kê khống không có thật; không được hưởng lợi gì từ việc bán trái phép hóa đơn. Hơn nữa, chủ thể quản lý, xuất Hóa đơn GTGT phải là Giám đốc doanh nghiệp, chỉ khi có đầy đủ chữ ký, con dấu của Giám đốc doanh nghiệp thì mới có giá trị. Vì vậy, không đủ căn cứ quy kết Lê Thị Hương L9, Nguyễn Thị C7 và Nguyễn Thị Thanh Ng phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án.

- Đối với Tạ Đức G1, Giám đốc Công ty M, là người đã hợp tác làm ăn chung với B nhưng khi bỏ không tiếp tục kinh doanh nữa, G1 vẫn giao giấy phép, con dấu cho B quản lý và đồng ý cho B đặt in hóa đơn GTGT để Công ty tiếp tục hoạt động, dẫn đến việc B lợi dụng để bán trái phép hoá đơn, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Kết quả điều tra, D1 hoàn toàn không tham gia; không được bàn bạc; không hưởng lợi gì từ việc bán trái phép hoá đơn. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với Nguyễn Văn G, Chủ nhiệm HTX N: Ông G đứng tên và nhờ B làm giúp toàn bộ thủ tục đăng ký thành lập HTX N là thật, nhưng sau khi thành lập do không có vốn nên không có bất kỳ hoạt động kinh doanh nào. Việc B sử dụng giấy tờ, con dấu của HTX N để đi đặt in và bán trái phép hoá đơn GTGT ông G hoàn toàn không biết và không được hưởng lợi gì. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm trong vụ án.

- Đối với Nguyễn Công P (anh trai B) đồng ý đứng tên và cho B mượn Giấy chứng minh nhân dân để là thủ tục đăng ký thành lập HTX D; Nguyễn Hữu C (chồng B) là người được B nhờ làm giúp thủ đặt in hóa đơn GTGT của HTX N và HTX D. Kết quả điều tra chứng minh được họ hoàn toàn không biết gì về mục đích bán hóa đơn trái phép, không được hưởng lợi ích gì. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nguyễn Công P và Nguyễn Hữu C trong vụ án.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra đã có 05 doanh nghiệp vi phạm tự nguyện nộp lại số tiền thuế GTGT đã khấu trừ để khắc phục hậu quả gồm: Công ty TNHH MTV A6, số tiền 80.600.000đ; Công ty CPXD và TM D1 Vĩnh Phúc, số tiền 49.000.000đ; Công ty CP Đầu tư và XD H5, số tiền 8.379.256đ; Công ty TNHH đầu tư H8, số tiền 1.804.000đ; Công ty CP XP và phát triển CN N3, số tiền 2.285.500đ; 25 quyển hóa đơn GTGT được chuyển theo hồ sơ vụ án; 01 dấu tròn, 01 dấu tên Chủ nhiệm, 01 dấu mã số thuế của HTX N và 01 dấu tròn, 01 dấu tên Giám đốc của Công ty M; 03 con dấu khắc chữ ký cá nhân.

Cáo trạng số: 09/CT-VKS-P3 ngày 21 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội: Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội: “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn”; áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 164a; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B hình phạt tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Truy thu của Nguyễn Thị B số tiền là 585.021.090đ có được từ việc bán trái phép Hóa đơn; tịch thu số tiền 142.068.900đ do 05 doanh nghiệp tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra để khắc phục vào ngân sách Nhà nước; tịch thu tiêu hủy 01 dấu tròn, 01 dấu tên Chủ nhiệm, 01 dấu mã số thuế của HTX N và 01 dấu tròn, 01 dấu tên Giám đốc của Công ty M; 03 con dấu khắc chữ ký cá nhân.

Bị cáo Nguyễn Thị B hoàn toàn đồng ý với tội danh và điều luật do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của bị cáo để xử phạt hình phạt thấp nhất do pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thị B chỉ khai báo một phần hành vi đã thực hiện, chưa thành khẩn khai báo, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị B đã khai rõ toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị B hoàn toàn phù hợp với các tài, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án như các hóa đơn, chứng từ, các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn. Từ

đó có đủ căn cứ để kết luận: Nguyễn Thị B không phải là người đại diện theo pháp luật của 03 doanh nghiệp là Hợp tác xã N, Hợp tác xã D và Công ty CP Thương mại và Sản xuất M. Xuất phát từ mục đích tư lợi, Nguyễn Thị B đã cố ý đặt in 250 số Hóa đơn GTGT của HTX N, 250 số Hóa đơn GTGT của HTX D mà không được thống nhất và cho phép của đại diện doanh nghiệp này; in 500 số Hóa đơn GTGT cho Công ty M; tổng cộng là 1000 số Hóa đơn GTGT nhưng không thông báo phát hành theo quy định của pháp luật. Trong hai năm 2012 và 2013 ba doanh nghiệp trên gần như không có bất kỳ hoạt động kinh doanh gì. Lợi dụng nhu cầu mua Hóa đơn GTGT để hợp thức hàng hóa, dịch vụ mua vào của các doanh nghiệp. Nguyễn Thị B đã bằng thủ đoạn xuất không Hóa đơn GTGT của hai HTX D và N cho Công ty M để bán trái phép Hóa đơn GTGT của 03 đơn vị này cho các cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu. Kết quả từ tháng 8/2012 đến tháng 12/2013 Nguyễn Thị B đã bán trái phép tổng số 237 số Hóa đơn của 03 đơn vị là HTX D, HTX N, Công ty M cho 29 doanh nghiệp với tổng doanh số tiền hàng ghi trên hóa đơn là 6.002.896.000đ; thuế GTGT là 600.289.600đ, thu lợi bất chính số tiền 585.021.090đ, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 600.289.600đ. Kết quả Giám định đã xác định, 29 Công ty, doanh nghiệp sử dụng Hóa đơn GTGT của Công ty M, HTX N và HTX D là sử dụng hóa đơn bất hợp pháp và nhằm mục đích trốn thuế.

Hành vi in bán trái phép hóa đơn, chứng từ do bị cáo Nguyễn Thị B thực hiện đã cấu thành tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999.

Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, số lượng hóa đơn mua bán trái phép và hậu quả xảy ra cũng như số tiền thu lợi bất chính thì hành vi của Nguyễn Thị B đã phạm vào tội “in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại các điểm d, đ và g khoản 2 Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại điểm d, đ khoản 2 Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước với số lượng lớn.....thì bị phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến hai trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm:

a,.....

d, Hóa đơn có số lượng rất lớn hoặc đặc biệt lớn;

đ, Thu lợi bất chính lớn;”

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị B là nghiêm trọng đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Do vậy cần xử phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Mặc dù quá trình giải quyết vụ án bị cáo chỉ khai nhận một phần hành vi phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đã khai báo toàn bộ hành vi đã thực hiện nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị B không bị áp dụng tính tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Sau khi cân nhắc, xem xét tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo; Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Thị B một thời gian phù hợp mới có tác dụng giáo dục riêng cũng như răn đe phòng ngừa tội phạm chung và đây cũng là cơ hội để bị cáo yên tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Thị B là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn cần buộc bị cáo và các Công ty phải nộp lại để hoàn trả ngân sách nhà nước. Cụ thể đó là: Toàn bộ số tiền bị cáo Nguyễn Thị B có được từ việc bán trái phép hóa đơn là 585.021.090đ có nguồn gốc không hợp pháp cần buộc bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 142.068.900đ do 05 doanh nghiệp tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra để khắc phục cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 dấu tròn, 01 dấu tên Chủ nhiệm, 01 dấu mã số thuế của HTX N và 01 dấu tròn, 01 dấu tên Giám đốc của Công ty M; 03 con dấu khắc chữ ký cá nhân cần tịch thu tiêu hủy vì không có giá trị sử dụng.

[5] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Vì mục đích tư lợi bị cáo Nguyễn Thị B đã phạm tội liên quan đến tài chính, kế toán là in, mua bán trái phép hóa đơn nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là cấm làm công tác kế toán một thời gian nhất định, kể từ khi chấp hành xong bản án là phù hợp.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn”.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 164a; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 50 và khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 02 (hai) năm tù về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn”. Tổng hợp với hình phạt 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2015/HSST ngày 30/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc buộc Nguyễn Thị B phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 18 (mười tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 26/11/2014.

Áp dụng khoản 3 Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999: Cấm bị cáo Nguyễn Thị B làm công tác kế toán, tài chính thời hạn 02 năm, kể từ khi chấp hành xong bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 41; Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị B phải nộp lại số tiền 585.021.090đ có nguồn gốc không hợp pháp từ việc mua bán trái phép hóa đơn để sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 142.068.900đ do 05 doanh nghiệp tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra vì có nguồn gốc không hợp pháp.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 08 con dấu vì không có giá trị sử dụng.

(Toàn bộ vật chứng tịch thu tiêu hủy có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/01/2018 G4 Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc và Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.)

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu 200.000đ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng HC-TP; Toà hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Sơn